

Số: 1020/QĐ-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 5 tháng 4 năm 2010 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên trong Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-ĐHQG-ĐH&SDH ngày 24 tháng 3 năm 2017 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-ĐHQG ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế văn bằng, chứng chỉ;

Căn cứ Công văn số 1975/ĐHQG-ĐT ngày 6 tháng 12 năm 2021 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc cấp phối văn bằng sau đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Sau đại học và Khoa học công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ cho 45 (bốn mươi lăm) học viên viên cao học (Danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng các phòng Sau đại học và Khoa học công nghệ, Kế hoạch – Tài chính, Trưởng các khoa đào tạo sau đại học và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, SDH&KHCN.



Nguyễn Tiến Dũng



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 1202/QĐ-ĐHKTL, ngày 06 tháng 12 năm 2021)

STT	MSHV	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	QĐ trúng tuyển học viên cao học	Ngày sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa	Nghành	ĐTB	Điểm luận văn	Ngày bảo vệ	CCNN
	2017														
1	C17605009	Trần Thị Thanh	Thảo	Nữ	870/QĐ-ĐHKTL, ngày 24/8/2017	27/07/1990	Kinh	Việt Nam	Đắk Lắk	2017 - 2019	Kế toán	6,77	6,5	06/05/2021	B1 TN (20/12/2020)
2	C17607002BT	Phạm Bảo	Giang	Nam	870/QĐ-ĐHKTL, ngày 24/8/2017	27/10/1974	Kinh	Việt Nam	Tiền Giang	2017 - 2019	Quản trị kinh doanh	7,34	5,9	29/03/2021	B1 TN (14/6/2020)
3	C17610026	Chế Thị	Linh	Nữ	870/QĐ-ĐHKTL, ngày 24/8/2017	08/10/1992	Kinh	Việt Nam	Bình Định	2017 - 2019	Luật Kinh tế	7,17	6,1	02/06/2021	TOIEC 490 (bổ sung 02 KN ngày 10/3/2019)
4	C17610033	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	870/QĐ-ĐHKTL, ngày 24/8/2017	04/06/1992	Kinh	Việt Nam	TP.HCM	2017 - 2019	Luật Kinh tế	7,41	7,1	02/06/2021	TOIEC 710 (bổ sung 02 KN ngày 10/3/2019)
5	C17610045	Lê Thị	Thanh	Nữ	870/QĐ-ĐHKTL, ngày 24/8/2017	15/02/1987	Kinh	Việt Nam	Quảng Trị	2017 - 2019	Luật Kinh tế	7,94	6,5	02/06/2021	B1 NV
6	C17610052	Nguyễn Thị Mai	Trinh	Nữ	870/QĐ-ĐHKTL, ngày 24/8/2017	26/05/1993	Kinh	Việt Nam	Quảng Ngãi	2017 - 2019	Luật Kinh tế	7,34	6,1	18/05/2021	B1 TN(11/04/2021)
7	C17610007BT	Võ Thị Liễu	Hạnh	Nữ	1359/QĐ-ĐHKTL, ngày 12/12/2017	03/02/1991	Kinh	Việt Nam	Bến Tre	2017 - 2019	Luật Kinh tế	7,33	5,5	14/01/2021	TOIEC 565 (Nghe - Đọc) TOEIC 280 (Nói-Viết)
8	C17610044BT	Trương Hoàng Ái	Nhân	Nữ	1359/QĐ-ĐHKTL, ngày 12/12/2017	12/04/1978	Kinh	Việt Nam	Bến Tre	2017 - 2019	Luật Kinh tế	7,24	7	13/01/2021	CNNN (ĐH Đà Nẵng)



(Signature)

STT	MSHV	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	QĐ trúng tuyển học viện cao học	Ngày sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa	Nghành	ĐTB	Điểm luận văn	Ngày bảo vệ	CCNN
9	C17610021BT	Huỳnh Triệu Anh	Thư	Nữ	1359/QĐ-ĐHKTL, ngày 12/12/2017	01/11/1987	Kinh	Việt Nam	Bến Tre	2017 - 2019	Luật Kinh tế	7,37	6	19/05/2021	B1 TN (22/12/2019)
10	C17610034BT	Đỗ Thị Thùy	Trang	Nữ	1359/QĐ-ĐHKTL, ngày 12/12/2017	15/10/1988	Kinh	Việt Nam	Bến Tre	2017 - 2019	Luật Kinh tế	7,37	6,5	14/01/2021	B1 TN (10/7/2019)
11	C17609010	Võ Ngọc	Đức	Nam	870/QĐ-ĐHKTL, ngày 24/8/2017	18/08/1989	Kinh	Việt Nam	Hải Phòng	2017 - 2019	Luật Dân sự & Tổ tụng dân sự	7,16	7	18/05/2021	B1 TN (14/6/2020)
12	C17609008	Võ Nguyên Hữu	Duyên	Nữ	870/QĐ-ĐHKTL, ngày 24/8/2017	02/09/1989	Kinh	Việt Nam	Quảng Ngãi	2017 - 2019	Luật Dân sự & Tổ tụng dân sự	7,53	7,1	18/05/2021	CNNN (ĐH KHXH&NV)
13	C17609011	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	870/QĐ-ĐHKTL, ngày 24/8/2017	05/07/1988	Kinh	Việt Nam	Tây Ninh	2017 - 2019	Luật Dân sự & Tổ tụng dân sự	6,8	6,3	13/01/2021	HSK 249
14	C17609018	Nguyễn Hữu	Học	Nam	870/QĐ-ĐHKTL, ngày 24/8/2017	05/10/1990	Kinh	Việt Nam	Bình Định	2017 - 2019	Luật Dân sự & Tổ tụng dân sự	7,49	6,5	13/01/2021	B1 TN (20/12/2020)
15	C17609024	Nguyễn Thị Phong	Lan	Nữ	870/QĐ-ĐHKTL, ngày 24/8/2017	21/04/1991	Kinh	Việt Nam	Trà Vinh	2017 - 2019	Luật Dân sự & Tổ tụng dân sự	7,45	6,8	18/05/2021	B1 NV (19/5/2020)
16	C17609032	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	870/QĐ-ĐHKTL, ngày 24/8/2017	10/10/1992	Kinh	Việt Nam	Bến Tre	2017 - 2019	Luật Dân sự & Tổ tụng dân sự	7,71	6,3	13/01/2021	B1 TN (20/12/2020)
17	C17609047	Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	870/QĐ-ĐHKTL, ngày 24/8/2017	09/11/1994	Kinh	Việt Nam	Gia Lai	2017 - 2019	Luật Dân sự & Tổ tụng dân sự	7,62	6,5	13/01/2021	TOIEC 540 (17/5/2020)
18	C17609002TN	Nguyễn Thị Hải	Âu	Nữ	1334/QĐ-ĐHKTL, ngày 06/12/2017	02/02/1981	Kinh	Việt Nam	Quảng Ngãi	2017 - 2019	Luật Dân sự & Tổ tụng dân sự	7,55	5,5	18/05/2021	HSK 249
19	C17609022TN	Nguyễn Quang	Bách	Nam	1334/QĐ-ĐHKTL, ngày 06/12/2017	17/02/1994	Kinh	Việt Nam	Quảng Ngãi	2017 - 2019	Luật Dân sự & Tổ tụng dân sự	6,78	5,8	19/01/2021	HSK 232

STT	MSHV	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	QĐ trúng tuyển học viên cao học	Ngày sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa	Nghành	ĐTB	Điểm luận văn	Ngày bảo vệ	CCNN
20	C17609012TN	Nguyễn Thế	Son	Nam	1334/QĐ-ĐHKTL, ngày 06/12/2017	22/09/1991	Kinh	Việt Nam	Đăk Lăk	2017 - 2019	Luật Dân sự & Tố tụng dân sự	6,66	6,5	19/01/2021	HSK 235
21	C17609013TN	Vũ Thị Minh	Tâm	Nữ	1334/QĐ-ĐHKTL, ngày 06/12/2017	20/02/1978	Kinh	Việt Nam	Đăk Lăk	2017 - 2019	Luật Dân sự & Tố tụng dân sự	7,68	6,5	19/01/2021	HSK 240
22	C17609034	Huỳnh Thảo	Nguyên	Nữ	870/QĐ-ĐHKTL, ngày 24/8/2017	26/09/1994	Kinh	Việt Nam	Bến Tre	2017 - 2019	Luật Dân sự & Tố tụng dân sự	7,41	6,5	14/05/2020	B1 TN (11/04/2021)
2018															
23	C18608116	Phạm Thị	Ngọc	Nữ	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	01/01/1994	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	2018 - 2020	Kinh tế quốc tế	7,42	6,4	27/05/2021	IELTS 6.0
24	C18608113	Nguyễn Thị Ái	Nữ	Nữ	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	01/11/1993	Kinh	Việt Nam	Bình Định	2018 - 2020	Kinh tế quốc tế	7,66	6,4	27/05/2021	TOEIC 670 (17/5/2020)
25	C18608112	Nguyễn Thị Tố	Oanh	Nữ	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	28/10/1995	Kinh	Việt Nam	Bình Định	2018 - 2020	Kinh tế quốc tế	7,86	7,3	27/05/2021	TOEIC 765 (17/5/2020)
26	C18608119	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	07/02/1995	Kinh	Việt Nam	Bình Định	2018 - 2020	Kinh tế quốc tế	7,93	7,5	27/05/2021	TOEIC 780 (17/5/2020))
27	C18605061	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	Nữ	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	14/10/1994	Kinh	Việt Nam	TP.HCM	2018 - 2020	Kế toán	7,39	7	06/05/2021	TOEIC 950 (17/5/2020)
28	C18605056	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	22/11/1991	Kinh	Việt Nam	Hà Tĩnh	2018 - 2020	Kế toán	7,87	8	06/05/2021	TOEIC 605 (17/5/2020)
29	C18605072	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	19/08/1993	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	2018 - 2020	Kế toán	8,06	9,5	06/05/2021	TOEIC 615 (17/5/2020)
30	C18607082	Trương Văn	Cường	Nam	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	13/02/1990	Kinh	Việt Nam	Quảng Nam	2018 - 2020	Quản trị kinh doanh	7,89	7,6	29/03/2021	B1 TN (7/6/2020)

STT	MSHV	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	QĐ trúng tuyển học viên cao học	Ngày sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa	Nghành	ĐTB	Điểm luận văn	Ngày bảo vệ	CCNN
31	C18607101	Nguyễn Minh	Đức	Nam	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	29/01/1989	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Long	2018 - 2020	Quản trị kinh doanh	7,92	7,4	29/03/2021	CNNN (ĐHKHXH&NV)
32	C18610191	Vũ Văn	Cường	Nam	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	05/05/1995	Kinh	Việt Nam	Quảng Ngãi	2018 - 2020	Luật Kinh tế	7,61	6	19/05/2021	TOEIC 655 (10/3/2019)
33	C18610173	Cao Thảo	Nguyễn	Nữ	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	04/01/1994	Kinh	Việt Nam	Bình Định	2018 - 2020	Luật Kinh tế	8,02	6	18/05/2021	TOEIC 560 (10/3/2019)
34	C18610201	Đình Cao	Nguyễn	Nam	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	29/01/1985	Kinh	Việt Nam	TP.HCM	2018 - 2020	Luật Kinh tế	7,18	6,4	19/05/2021	CNNN (ĐHKHXH&NV)
35	C18610209	Huỳnh	Như	Nữ	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	24/10/1995	Kinh	Việt Nam	Đồng Tháp	2018 - 2020	Luật Kinh tế	7,23	7	19/01/2021	TOEIC 540 (10/3/2019)
36	C18610204	Phạm Thị Thảo	Xuyên	Nữ	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	06/12/1993	Kinh	Việt Nam	Tiền Giang	2018 - 2020	Luật Kinh tế	7,53	6,5	19/01/2021	TOEIC 495 (17/5/2020)
37	C18609148	Hồ Xuân	Anh	Nam	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	12/08/1977	Kinh	Việt Nam	TP.HCM	2018 - 2020	Luật Dân sự & Tố tụng dân sự	7,08	6	14/01/2021	B1 TN (31/5/2020)
38	C18609154	Lê Thị Hồng	Hiếu	Nữ	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	07/08/1990	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	2018 - 2020	Luật Dân sự & Tố tụng dân sự	7,43	7	14/01/2021	TOEIC 505 (10/3/2019)
39	C18609157	Nguyễn Mạnh	Khôi	Nam	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	11/06/1991	Kinh	Việt Nam	TP.HCM	2018 - 2020	Luật Dân sự & Tố tụng dân sự	7,32	5,5	15/01/2021	B1 NV (19/5/2020)
40	C18609162	Lê Thị Ngọc	Ly	Nữ	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	22/02/1990	Kinh	Việt Nam	Nam Định	2018 - 2020	Luật Dân sự & Tố tụng dân sự	6,97	7	18/05/2021	TOEIC 470 (10/3/2019)
41	C18609125	Bùi Thị	Thu	Nữ	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	02/01/1988	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	2018 - 2020	Luật Dân sự & Tố tụng dân sự	7,55	5,6	15/01/2021	CNNN (ĐHKHXH&NV)
42	C18609153	Trần Thị Ánh	Tuyết	Nữ	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	28/04/1994	Kinh	Việt Nam	TP.HCM	2018 - 2020	Luật Dân sự & Tố tụng dân sự	7,39	5,5	14/01/2021	B1 TN (18/10/2020)

NG
OC
LU
H

STT	MSHV	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	QĐ trúng tuyển học viên cao học	Ngày sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa	Nghành	ĐTB	Điểm luận văn	Ngày bảo vệ	CCNN
43	C18609143	Lê Hùng	Vượng	Nam	942/QĐ-ĐHKTL, ngày 17/8/2018	04/08/1981	Kinh	Việt Nam	Quảng Trị	2018 - 2020	Luật Dân sự & Tố tụng dân sự	7,25	5,9	15/01/2021	B1 TN (5/7/2020)
	2019														
44	C19610143	Nguyễn.Phương Quỳnh	Chi	Nữ	741/QĐ-ĐHKTL, ngày 11/07/2019	16/04/1994	Kinh	Việt Nam	Nga	2019 - 2021	Luật Kinh tế	7,78	7,5	02/06/2021	IELTS 6.5 (British Council)
	2016														
45	401021640	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	Nữ	620/QĐ-ĐHKTL, ngày 12/01/2016	21/04/1980	Kinh	Việt Nam	TP.HCM	2016 - 2018	Quản trị kinh doanh	7,54	7,2	22/5/2019	JLPT N3

NGÀNH	Khóa 2016	Khóa 2017	Khóa 2018	Khóa 2019	TỔNG
					Chung
Kinh tế học					0
Kinh tế chính trị					0
Kinh tế quốc tế			4		4
Kinh tế quản lý công					0
Tài chính - Ngân hàng					0
Kế toán		1	3		4
Luật kinh tế		8	5	1	14
Luật dân sự và tố tụng dân sự		11	7		18
Quản trị kinh doanh	1	2	2		5
Tổng	1	22	21	1	45

